

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

I. YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo sự nhất quán với việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng, các Chiến lược, chương trình hành động của Chính phủ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo sự tham gia rộng rãi, bình đẳng của các thành phần kinh tế vào các hoạt động lâm nghiệp, huy động tối đa các nguồn lực xã hội; ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại, phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng, góp phần cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong “Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” là căn cứ để các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thiết lập diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng của tỉnh; phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp bình quân là 2,5%/năm.

- Giai đoạn 2021 - 2030, trồng mới 1.476,42 ha rừng (rừng sản xuất 705,09 ha, rừng phòng hộ 771,33 ha) nâng tổng diện tích rừng toàn tỉnh đạt 10.654,09 ha (rừng phòng hộ 6.158,28 ha, rừng sản xuất 4.495,81 ha).

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng các nguồn thu phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp.

b) Về xã hội: Tạo việc làm cho 500 lao động, góp phần nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 4,45% so với diện tích tự nhiên.

- Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận đạt 30%.

- Bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng và tăng năng lực phòng hộ của rừng trên địa bàn tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Về kinh tế: Tăng diện tích rừng và chất lượng rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững, tạo môi trường thích hợp cho các loài thủy hải sản có bãi đẻ và sinh sống, tạo nguồn lợi thủy sản, nâng cao giá trị sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, tạo sinh kế, tăng thêm thu nhập từ nghề rừng, cải thiện đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

b) Về xã hội: Tạo việc làm cho người dân trên địa bàn tỉnh thông qua việc khai thác, trồng rừng, chăm sóc rừng (500 lao động/năm) và thực hiện việc khoán dịch vụ bảo vệ rừng hàng năm cho 20 tổ chức, cá nhân, ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Về môi trường: Quản lý rừng bền vững, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cung ứng dịch vụ môi trường rừng; tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 5% so diện tích tự nhiên.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển các loại rừng

a) Định hướng phát triển lâm nghiệp tỉnh Trà Vinh phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên rừng và bảo vệ môi trường tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, làm cơ sở xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, dự án, phương án quản lý, khai thác, bảo vệ, sử dụng rừng bền vững gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao đời sống của người dân nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của ngành lâm nghiệp.

b) Đối với rừng phòng hộ: Tập trung đầu tư phát triển rừng phòng hộ ven sông, ven biển để thiết lập đai rừng chống sạt lở, chắn sóng, chắn gió, lấn biển, chắn cát bay, bảo vệ môi trường, bảo vệ công trình dân sinh và bảo vệ sản xuất của người dân trong điều kiện biến đổi khí hậu. Phấn đấu đến năm 2030, diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh là 6.158,28 ha và năm 2050 là 7.198,24 ha, tập trung phát triển trên địa bàn các huyện: Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè, Trà Cú, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh.

c) Đối với rừng sản xuất: Rà soát, phát triển diện tích rừng sản xuất phù hợp với quy định và khai thác được lợi thế của từng địa phương; cải tạo rừng kém hiệu quả, sắp xếp lại rừng theo hướng tập trung, thuần loài kết hợp với nuôi trồng thủy sản nhằm khai thác tốt tiềm năng, định hướng phát triển rừng sản xuất để phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Phấn đấu đến năm 2030, diện tích rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh là 4.495,81 ha và năm 2050 là 4.752,83 ha, tập trung phát triển trên địa bàn các huyện: Châu Thành, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

2. Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

a) Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có, phát huy chức năng phòng hộ của rừng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ hệ thống kết cấu hạ tầng ven biển, bảo tồn đa dạng sinh học và các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hình thành đai rừng phòng hộ để các loài thủy, hải sản cư trú, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân.

b) Phục hồi, nâng cao chất lượng rừng để tăng tính đa dạng sinh học, tính năng phòng hộ của rừng. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, xây dựng hệ thống rừng giống có chất lượng cao theo hướng cải thiện chất lượng di truyền, đảm bảo cung cấp đủ số lượng cây giống phục vụ nhu cầu trồng rừng trên địa bàn tỉnh, tiến tới cung cấp các loại giống cây trồng lâm nghiệp chất lượng cao trong và ngoài tỉnh.

c) Tăng cường quản lý nhà nước trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp sang thực hiện các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện tốt các chính sách về giao, cho thuê rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp phù hợp với tiêu chí rừng, mục tiêu quy hoạch, quy chế quản lý, sử dụng 02 loại rừng (phòng hộ, sản xuất) theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai, các văn bản quy định và hướng dẫn thi hành. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá trồng rừng, bảo vệ rừng, trước hết là rừng và đất lâm nghiệp quy hoạch rừng sản xuất; phát huy giá trị môi trường cảnh quan rừng phòng hộ để thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái gắn với phục hồi, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái theo quy định của pháp luật.

d) Phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, lâm - ngư kết hợp; thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng.

e) Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trong quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng. Nâng cao năng lực để các chủ rừng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, đến năm 2030, 100% các chủ rừng là tổ chức có đủ năng lực theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

g) Tập trung nghiên cứu thực hiện các biện pháp cải tạo rừng ngập mặn nghèo, khoanh nuôi tái sinh rừng vùng ven biển, cửa sông. Đồng thời, tăng cường thực hiện phòng, chống sâu, bệnh hại cho cây rừng.

h) Các đơn vị chủ rừng phải xây dựng phương án quản lý bền vững đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất và cấp chứng chỉ rừng sản xuất được quản lý bền vững; tổ chức lực lượng bảo vệ rừng, bố trí đủ các trạm bảo vệ rừng phân bố trong lâm phận, đảm bảo quản lý tốt diện tích rừng và đất lâm nghiệp của đơn vị.

3. Phát triển rừng

a) Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng thông qua Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 17/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có hỗ trợ phát triển trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 về trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 ban hành Chương trình chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng, giai đoạn 2021 - 2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa.

d) Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống chất lượng, trồng rừng thâm canh gỗ lớn...

đ) Duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ để giảm thiểu tác hại do thiên tai, dịch bệnh, cải thiện môi trường, giảm phát thải; tăng hấp thụ các-bon, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Tập trung đầu tư phát triển rừng phòng hộ và đẩy mạnh xây dựng, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và

phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, đồng thời tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ ven sông, ven biển nhằm phòng, chống và giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Sử dụng rừng

a) Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng rừng bền vững.

b) Có phương án khai thác hợp lý rừng phòng hộ là rừng trồng sau năm 2025 để vừa đảm bảo chức năng phòng hộ, vừa cung cấp nguyên liệu gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ cho sản xuất và tiêu dùng; tiếp tục khoanh nuôi, cải tạo và làm giàu rừng tự nhiên là rừng sản xuất để nâng cao chất lượng, tạo nguồn cung cấp gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ môi trường rừng sau năm 2030.

c) Thành lập khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh tại Côn Nạng nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng. Xây dựng mô hình phục hồi và bảo tồn cây Gõ nước tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, tiến tới nhân rộng phục hồi và bảo tồn loài Gõ nước tại các khu vực rừng ngập mặn tỉnh Trà Vinh.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến cán bộ, công chức, viên chức các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp triển khai thực hiện.

b) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh; phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

2. Về cơ chế, chính sách

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả Luật Lâm nghiệp 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành và các cơ chế, chính sách hiện hành.

b) Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển rừng và bảo vệ rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 17/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

3. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trong quản lý và bảo vệ rừng, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ.

b) Phát triển mạng lưới cung ứng giống, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất các loại giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Khuyến khích đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; chọn, tạo, nhân giống cây trồng thân gỗ lớn; phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng.

c) Kiểm tra, giám sát, cấp giấy chứng nhận cho các cơ sở sản xuất giống có chất lượng cao. Tập trung nghiên cứu và đánh giá khả năng thích nghi của các loại giống mới nhằm phổ biến, nhân rộng diện tích các loài cây trồng có khả năng chịu hạn, mặn cao, mang lại lợi ích kinh tế và có tính phòng hộ bền vững.

d) Từng bước dẫn giống các loài cây bản địa, cây nhập ngoại có giá trị kinh tế cao về trồng thử nghiệm để chọn ra giống thích hợp cung cấp cho các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung. Nghiên cứu phục hồi rừng bằng các loài cây bản địa có giá trị, bổ sung loài mới vào các khu rừng tự nhiên ở các khu rừng phòng hộ.

d) Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật trong lâm nghiệp (các quy trình thiết kế, quy trình trồng rừng thâm canh năng suất cao; khảo nghiệm các loài cây gỗ lớn tăng trưởng nhanh phù hợp điều kiện địa phương; khoanh nuôi, phục hồi rừng tự nhiên; chăm sóc, tía thưa rừng trồng, khai thác lâm sản, phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy chữa cháy rừng).

e) Tăng cường năng lực của hệ thống khuyến lâm nhằm chuyển giao, hỗ trợ đưa khoa học, công nghệ mới vào phục vụ sản xuất. Đầu tư hỗ trợ xây dựng một số mô hình sản xuất, kinh doanh rừng hiệu quả, bền vững để phổ biến, nhân rộng: lâm - ngư kết hợp, lâm - ngư tách biệt, sản xuất nông nghiệp bền vững trong đất lâm nghiệp và các mô hình trồng cây trên đất lên liếp trong các đầm tôm cho phù hợp với điều kiện sản xuất của khu vực vùng dự án nhằm nâng cao hiệu quả trồng rừng phòng hộ môi sinh. Mở các lớp tập huấn chuyển giao về kỹ thuật trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý rừng và khai thác rừng hợp lý.

g) Tập trung nghiên cứu các biện pháp cải tạo rừng ngập mặn nghèo, khoanh nuôi tái sinh rừng vùng ven biển, cửa sông. Tăng cường phòng chống sâu bệnh hại cho cây rừng (cây Mắm, Đước, Phi lao) và các bệnh nhiễm nấm,...

4. Đào tạo nguồn nhân lực

a) Đổi mới, nâng cao chất lượng, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp; ưu tiên đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ hiện đại, tạo những bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công

nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong lâm nghiệp để kịp thời giải quyết các vấn đề, thách thức của ngành lâm nghiệp.

b) Đào tạo, tập huấn chuyên môn kỹ thuật để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp, đặc biệt là đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp các cấp, ưu tiên cho kiểm lâm viên cơ sở có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và nắm vững công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu trên máy tính, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp ngoài thực địa.

c) Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý bảo vệ rừng. Chú trọng bổ sung lực lượng tại cơ sở có đủ khả năng thực hiện việc giám sát và xử lý những vi phạm lấn chiếm đất rừng và chặt phá rừng.

d) Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng, tuyên truyền vận động về công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng, đặc biệt là các hộ gia đình/tổ chức trồng rừng, bảo vệ rừng trên từng địa bàn.

đ) Khuyến khích các tổ chức thuê đất lâm nghiệp thực hiện dự án đầu tư sử dụng lao động địa phương, đặc biệt là đồng bào dân tộc trong công tác quản lý bảo vệ rừng, qua đó góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức và quản lý ngành

a) Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh theo hướng tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp; tăng cường lực lượng kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách. Rà soát, sắp xếp lại, kiện toàn ban quản lý rừng phòng hộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

b) Đổi mới phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường. Xã hội hóa các dịch vụ công về lâm nghiệp nhằm giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước, cung cấp cho xã hội chất lượng dịch vụ tốt nhất.

6. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, nhất là Chương trình “Trồng cây xanh vì hành tinh xanh” do Tổ chức SK Innonation Hàn Quốc tài trợ.

7. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả Chiến lược

Xây dựng, triển khai hệ thống lập kế hoạch và giám sát ngành lâm nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, đồng bộ phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

(đính kèm phụ lục các nhiệm vụ cụ thể)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo hiệu quả, thiết thực; đôn đốc, kiểm tra, giám sát các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Kế hoạch này; tổ chức sơ kết, tổng kết, đầu mối tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, dự án, phương án, kế hoạch phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền đề bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định; triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển rừng và bảo vệ rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 17/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ vào các chế độ, chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền xem xét bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển lâm nghiệp.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp cho phát triển rừng và trồng cây xanh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, triển khai các giải pháp tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển lâm nghiệp.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đồng thời, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện đạt các mục tiêu của Kế hoạch này. Ưu tiên bố trí nguồn vốn của địa phương, chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

b) Tổ chức tuyên truyền, triển khai các văn bản liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp và các nội dung Kế hoạch; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn quản lý; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung những nội dung cụ thể trong Kế hoạch, các Sở ngành, đơn vị và địa phương báo cáo, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (Báo cáo);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Đài PT&TH, Báo Trà Vinh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN. 02

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *rau*
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Bình

Phụ lục
CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
LÂM NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(Kèm theo Kế hoạch số: 18 /KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
I. CHÍNH SÁCH					
1	Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển rừng và bảo vệ rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 17/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành có liên quan và các địa phương	Báo cáo	Hàng năm
II. ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN, KẾ HOẠCH					
1	Đề án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2022
2	Đề án định giá rừng tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2022
3	Đề án cải tạo rừng kém hiệu quả, sắp xếp lại rừng theo hướng tập trung, thuần loài kết hợp với nuôi trồng thủy sản huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2022
4	Đề án chuyển hóa rừng giống trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2022
5	Dự án đầu tư xây dựng khu rừng thực nghiệm tại ấp Giồng Giếng, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2022
6	Phương án cung ứng dịch vụ môi trường rừng tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2022

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
7	Triển khai thực hiện Dự án Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
8	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về trồng rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
9	Triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
10	Xây dựng mô hình phục hồi và bảo tồn cây Gõ nước (<i>Intsia bijuga</i>) tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo	Hàng năm
11	Xây dựng và triển khai thực hiện các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo	Hàng năm